

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH412**

Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Học Kỳ III năm học 2014-2015

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
1	DTK1051010722	Bùi Tuấn	Anh	29/03/92	6	7			3.5	Thiếu ban	
2	K125520103118	Nguyễn Ngọc	Anh		7	7			3.6	Thiếu ban	
3	DTK1151010432	Nguyễn Văn	Bắc	4/10/1993	7				1.1	Thiếu ban	
4	DTK1151010226	Nguyễn Văn	Bảo		8			4	2.2	Thiếu ban	
5	DTK1051010165	Đình Công	Bình		8	7			3.8	Thiếu ban	
6	DTK1151010659	Phạm Văn	Bình	8/11/1993	4	8	6	5	6.2	Đạt	
7	DTK1151010660	Trần Văn	Bồi	22/06/90	4	8	6		5.0	Thiếu ban	
8	K125520103445	Nguyễn Văn	Chi		8		8		3.2	Thiếu ban	
9	DTK0951010687	Âu Văn	Chiến	29/07/91	b	8	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
10	DTK1051010808	Phạm Văn	Chiến	24/09/92	6	b			#VALUE!	Thiếu ban	
11	DTK1151010012	Nguyễn Minh	Chiến	4/5/1993	8	7		6	5.2	Thiếu ban	
12	DTK1151010279	Dương Văn	Chiến	20/12/93	8	8	8	7	7.8	Đạt	
13	DTK1051010333	Nguyễn Văn	Chính	22/02/92	5		6	6	3.7	Thiếu ban	
14	DTK1151010546	Đỗ Bảo	Chung	16/11/92	8	9	7	7	7.9	Đạt	
15	DTK1151010664	Nguyễn Văn	Chung		8				1.3	Thiếu ban	
16	K125520103063	Phan Văn	Chung					7	1.7	Thiếu ban	
17	K125520103122	Phạm Quang	Chung		7			5	2.3	Thiếu ban	
18	DTK1151010662	Trần Đức	Chương		7			6	2.6	Thiếu ban	
19	DTK1151010228	Nguyễn Hữu	Công	16/01/93	8				1.3	Thiếu ban	
20	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	23/10/93	b		8	6	#VALUE!	Thiếu ban	
21	DTK1051010807	Dương Kiên	Cương	27/02/91			7		1.7	Thiếu ban	
22	DTK1051010490	Hoàng Sỹ	Cường			7			2.5	Thiếu ban	
23	DTK1151010009	Nguyễn Tiến	Cường	24/10/92	7	7	6	6	6.5	Đạt	
24	DTK0851050068	Trịnh Trọng	Đại	2/2/1988	8	8	9	5	7.5	Đạt	
25	DTK1151010119	Thân Văn	Dân	2/9/1993	b	b	7	7	#VALUE!	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
26	DTK1151010377	Bùi Văn	Đăng	29/04/93	7	7	7	7	7.0	Đạt	
27	DTK0951010539	Đinh Văn	Đạt	24/10/91	6		6	7	4.1	Thiếu ban	
28	DTK1151010219	Bùi Văn	Đạt	19/08/93	8		8	8	5.1	Thiếu ban	
29	K125520103011	Đinh Tiến	Đạt			8			2.9	Thiếu ban	
30	DTK1151010547	Đinh Sỹ	Diệu		7	7	7	7	7.0	Đạt	
31	DTK0951010764	Trần Hữu	Đức			7			2.5	Thiếu ban	
32	DTK0851010664	Phan Minh	Dũng		5		7		2.5	Thiếu ban	
33	DTK1151010172	Lý Văn	Dũng		8	8			4.2	Thiếu ban	
34	DTK1151010388	Nguyễn Tiến	Dũng	19/02/93	8	8	8	7	7.8	Đạt	
35	DTK1151010389	Đàm Anh	Dũng	19/09/93	8	7	6	7	6.9	Đạt	
36	DTK1151010430	Nguyễn Văn	Dương	13/06/92	6	8	7	5	6.7	Đạt	
37	DTK1151010174	Phạm Quang	Duy	11/3/1993	6	7	8	6	6.8	Đạt	
38	DTK1151010175	Phạm Ngọc	Duy	30/01/92	6	7	7	6	6.6	Đạt	
39	K125520103014	Trần Mạnh	Giáp			8			2.9	Thiếu ban	
40	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	16/03/91	7	8			4.0	Thiếu ban	
41	DTK1051010185	Nguyễn Văn	Hải	9/5/1992	7	7		5	4.8	Thiếu ban	
42	DTK1051010745	Phạm Văn	Hải	15/08/92	7		7	5	4.0	Thiếu ban	
43	DTK1151010072	Nguyễn Văn	Hải	28/02/93	6	7	8	7	7.1	Đạt	
44	DTK1151010127	Phạm Minh	Hải	17/04/93	6	8	7		5.5	Thiếu ban	
45	DTK1151010443	Trần Mạnh	Hải	20/04/91	7	8	7	7	7.4	Đạt	
46	DTK1051010743	Đinh Văn	Hân	2/11/1992	8	8			4.2	Thiếu ban	
47	DTK1051010347	Dương Văn	Hậu	1/7/1992	0			7	1.7	Thiếu ban	
48	DTK1151010291	Hoàng Mạnh	Hiển			7	7		4.2	Thiếu ban	
49	DTK1151010393	Trần Văn	Hiện	20/10/93	7	8	7	5	6.9	Đạt	
50	DTK1151010343	Nguyễn Văn	Hiệp	27/04/93	6	7	6	5	6.1	Đạt	
51	DTK1151010344	Chu Văn	Hiệp			8			2.9	Thiếu ban	
52	K125520103020	Cao Văn	Hiệp			8			2.9	Thiếu ban	
53	DTK1051010194	Trần Văn	Hòa	29/05/92	7	8	7	5	6.9	Đạt	
54	K125520103021	Hoàng Văn	Hòa			9			3.2	Thiếu ban	
55	K125520103079	Đỗ Hữu	Hoàn					4	1.0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
56	DTK1051010433	Sái Việt	Hoàng	5/6/1992	7	8	b	8	#VALUE!	Thiếu ban	
57	K125520103139	Võ Duy	Hoàng		7			4	2.1	Thiếu ban	
58	DTK1051010896	Ngô Quang	Hoảng	20/02/90	7	8	7	5	6.9	Đạt	
59	DTK1151010712	Ngô Thị	Huế	5/3/1993	8		5	8	4.4	Thiếu ban	
60	DTK1151010076	Bùi Việt	Hùng			8		7	4.6	Thiếu ban	
61	DTK1151010504	Trịnh Vũ	Hùng	14/03/93	7	9	7		6.0	Thiếu ban	
62	K125520103019	Nguyễn Văn	Hùng			8			2.9	Thiếu ban	
63	DTK1151010129	Nguyễn Thế	Hưng	20/10/93	6	7	8	6	6.8	Đạt	
64	DTK1151010236	Trần Quốc	Hưng	12/10/1993	8	7	7	8	7.4	Đạt	
65	DTK0951010405	Nguyễn Quốc	Huy			8			2.9	Thiếu ban	
66	DTK1051010035	Nguyễn Mạnh	Huy	7/5/1991			5	4	2.2	Thiếu ban	
67	DTK1151010398	Nguyễn Tiến	Huy	22/05/93	7	8		7	5.7	Thiếu ban	
68	K125520103025	Vũ Văn	Huy		6				1.0	Thiếu ban	
69	K125520103026	Nguyễn Quang	Huy			9			3.2	Thiếu ban	
70	DTK1151010187	Đàm Duy	Khánh	17/12/93	7	7	6	7	6.8	Đạt	
71	K125520103201	Phạm Văn	Lâm			8			2.9	Thiếu ban	
72	DTK1051010833	Đỗ Văn	Lập	21/08/92	7				1.1	Thiếu ban	
73	DTK1051010280	Phan Văn	Lộc	10/8/1992	b	7	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
74	DTK1151010239	Nguyễn Văn	Lợi	2/11/1992	8	8			4.2	Thiếu ban	
75	DTK1151010676	Trần Quang	Lợi	8/1/1989	8	9	8	8	8.4	Đạt	
76	DTK1151010355	Nguyễn Duy	Lực		7	7			3.6	Thiếu ban	
77	DTK0951010900	Tạ Duy	Lương			8	6		4.3	Thiếu ban	
78	1111061195	Lê Nguyên	Lượng			8	7		4.6	Thiếu ban	
79	DTK1151010030	Trần Văn	Mạnh		7	8	8	4	6.9	Đạt	
80	DTK1151010189	Nguyễn Văn	Mạnh	27/11/93	6	6	6	8	6.5	Đạt	
81	DTK0951010124	Lê Văn	Minh	17/04/89	7	8	7	5	6.9	Đạt	
82	DTK1151010031	Đỗ Văn	Minh	15/03/93	7	8	7	5	6.9	Đạt	
83	DTK1051010838	Lê Văn	Nam			8			2.9	Thiếu ban	
84	DTK1051010839	Trần Thành	Nam	11/6/1992	7	7	7	5	6.5	Đạt	
85	DTK1051010911	Nguyễn Thành	Nam	22/09/92	b		7		#VALUE!	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
86	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93	7				1.1	Thiếu ban	
87	DTK1151010570	Chu Đức	Nam	28/09/93	8	8	6	5	6.8	Đạt	
88	DTK1151010681	Nguyễn Hồng	Nam	24/12/93	6	7	8	6	6.8	Đạt	
89	K125520103032	Ngô Văn	Nam			9			3.2	Thiếu ban	
90	DTK1051010206	Nguyễn Đình	Ngọc	13/04/92	b	7	6	7	#VALUE!	Thiếu ban	
91	DTK1151010463	Đặng Văn	Ngọc	6/4/1993	7	7	7	8	7.2	Đạt	
92	K125520103091	Bùi Việt	Ngọc		7	7			3.6	Thiếu ban	
93	DTK1151010410	Đình Cao	Nguyên	21/08/93	7	7		5	4.8	Thiếu ban	
94	DTK1051010843	Đào Sỹ	Nhật	27/02/92		7	7		4.2	Thiếu ban	
95	K125520103231	Nguyễn Văn	Phong			7			2.5	Thiếu ban	
96	DTK1051010369	Đặng Huy	Phúc	8/7/1992	8	7	7		5.5	Thiếu ban	
97	DTK1151010144	Vũ Văn	Phuong	6/11/1993		7	5	5	4.9	Thiếu ban	
98	DTK1151010246	Đặng Đình	Phuong	29/04/93	7		7	6	4.2	Thiếu ban	
99	DTK1151010511	Ân Văn	Quân					6	1.4	Thiếu ban	
100	DTK1151010636	Phạm Xuân	Quang					7	1.7	Thiếu ban	
101	DTK1051010692	Đình Văn	Quyết	26/12/92	7		6	5	3.8	Thiếu ban	
102	DTK1051010134	Nguyễn Đức	Son	18/02/92		8	8	6	6.2	Thiếu ban	
103	DTK1151010199	Nguyễn Văn	Son					7	1.7	Thiếu ban	
104	DTK1151010688	Chu Đức	Son	28/02/92	9	7	7	7	7.3	Đạt	
105	DTK1051010775	Nguyễn Văn	Tâm	15/01/92	6	7	7	B	#VALUE!	Thiếu ban	
106	DTK0951010212	Chu Minh	Thắng	26/08/91	7	8	8	6	7.4	Đạt	
107	DTK1151010043	Mai Thế	Thắng	26/04/93	7	7	7	6	6.8	Đạt	
108	K125520103101	Nguyễn Minh	Thắng					5	1.2	Thiếu ban	
109	DTK1151010521	Đỗ Quang	Thành	17/12/93	7				1.1	Thiếu ban	
110	DTK1151010522	Phạm Hữu	Thành	25/04/93	7	8		4	5.0	Thiếu ban	
111	DTK1151010368	Phạm Văn	Thế	26/03/93	6				1.0	Thiếu ban	
112	DTK1151010367	Trần Xuân	Thế	3/9/1992	7	5	6	4	5.3	Thiếu ban	
113	DTK1051010861	Phan Văn	Thuần			8			2.9	Thiếu ban	
114	DTK1151010151	Nguyễn Đức	Thường	14/06/93	7	7	7	7	7.0	Đạt	
115	DTK1151010260	Trần Văn	Tiên	19/05/93	6	7	8	6	6.8	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
116	DTK0951010218	Nông Văn	Tiến	23/07/91			8		1.9	Thiếu ban	
117	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toàn	25/03/93	7		7	4	3.8	Thiếu ban	
118	DTK1051010802	Nguyễn Văn	Trà	9/11/1992	7	8		4	5.0	Thiếu ban	
119	K125520103418	Đỗ Văn	Tráng		7			8	3.0	Thiếu ban	
120	DTK1051010151	Ma Thịnh	Trình		8	7			3.8	Thiếu ban	
121	DTK1051010712	Vũ Quang	Trung	16/09/92	6	5	7	6	5.9	Đạt	
122	DTK1051010713	Dương Văn	Trung	12/12/1992	7	6	7	4	5.9	Đạt	
123	DTK1051010939	Nguyễn Văn	Trung	5/1/1992	7	7	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
124	DTK1151010482	Trương Xuân	Trưởng	11/5/1993	7	8			4.0	Thiếu ban	
125	DTK1151010208	Đặng Văn	Tú	9/12/1991	7	8	8	7	7.6	Đạt	
126	DTK1151010262	Phạm Văn	Tú	22/12/93	7	b	8	b	#VALUE!	Thiếu ban	
127	K125520103408	Phan Ngọc	Tú	2/7/1993	6	9			4.2	Thiếu ban	
128	K125520103050	Dương Văn	Tứ			8			2.9	Thiếu ban	
129	DTK1151010484	Vũ Anh	Tuân	4/10/1993	4	6	7	6	5.9	Đạt	
130	DTK1151010595	Giáp Văn	Tuân	19/02/93	b			4	#VALUE!	Thiếu ban	
131	DTK1151010105	Phạm Văn	Tuấn			8		4	3.8	Thiếu ban	
132	DTK1051010625	Đào Trường	Tùng	15/09/92	7		8	6	4.5	Thiếu ban	
133	DTK1151010099	Hoàng Văn	Tùng	15/05/93	7				1.1	Thiếu ban	
134	DTK1151010477	Nguyễn Tiến	Tùng	21/09/93	7	8	6	8	7.4	Đạt	
135	K125520103399	Trương Văn	Tùng			9			3.2	Thiếu ban	
136	K125520103401	Lục Văn	Tùng		7			7	2.8	Thiếu ban	
137	DTK1151010255	Vũ Văn	Tường	19/02/93	8	7	8	6	7.2	Đạt	
138	DTK1151010428	Hoàng Thanh	Tuyền	20/11/93	7	7	8	6	7.0	Đạt	
139	DTK1151010268	Bùi Văn	Văn	14/10/92	7	8	8	4	6.9	Đạt	
140	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	29/02/91	8	9			4.5	Thiếu ban	
141	DTK1151010541	Trần Xuân	Vinh	8/9/1992	8	BTT	8	6	#VALUE!	Thiếu ban	Đã KT phiếu điểm
142	DTK0951010605	Nguyễn Duy	Vũ	3/8/1991	8	9			4.5	Thiếu ban	
143	DTK1051010721	Hoàng Văn	Xuân	29/02/92	6	8			3.8	Thiếu ban	
144	DTK1151010162	Nguyễn Văn	Xường	21/12/93	7	7	7	4	6.3	Đạt	

Ấn định danh sách: 144 SV